

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kết quả tự đánh giá các chỉ số nhóm I của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2782/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1277/STNMT-MT ngày 26 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kết quả tự đánh giá các chỉ số nhóm I của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

- Chỉ số 01: Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 3,9%.

- Chỉ số 02: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày (24 giờ) trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

- Chỉ số 03: Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 66,67%.

- Chỉ số 04: Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 0%.

- Chỉ số 05: Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 87,6%.

- Chỉ số 06: Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để: Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- Chỉ số 07: Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị đạt 8,95 phương tiện/10.000 người.

- Chỉ số 08: Số lượng sự cố môi trường do chất thải gây ra (vụ): Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- Chỉ số 09: Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Chỉ số 10: Tỷ lệ các cơ quan Nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị-xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; các siêu thị, khu du lịch đã có quy định, cam kết, kế hoạch triển khai về chống rác thải nhựa: Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- Chỉ số 11: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn đạt 0%.

- Chỉ số 12: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

- Chỉ số 13: Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

- Chỉ số 14: Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo: Chưa phát hiện khu vực đất ô nhiễm tồn lưu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong năm 2023.

- Chỉ số 15: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 98,85%.

- Chỉ số 16: Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 99,73%.

- Chỉ số 17: Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có hố xí hợp vệ sinh: Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- Chỉ số 18: Tỷ lệ diện tích đất của các khu bảo tồn thiên nhiên đã được thành lập trên tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đạt 100%.

- Chỉ số 19: Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng đạt 0,79%.

- Chỉ số 20: Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá là 11,18 ha.

- Chỉ số 21: Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo đạt 5.949.400.000 kWh/năm.

- Chỉ số 22: Số trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường không khí tại các đô thị loại IV trở lên trên 10.000 dân đô thị: Có 01 trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp chàm.

- Chỉ số 23: Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu

trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo quy định của pháp luật đạt 100%.

- Chỉ số 24: Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 2,71%.

- Chỉ số 25: Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường/triệu dân đạt 155 người/triệu dân.

- Chỉ số 26: Tỷ lệ số vụ việc phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng đã được xử lý đạt 100%.

Kèm theo Quyết định này gồm:

- Phụ lục 1: 26 Biểu tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thành phần nhóm I của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023.

- Phụ lục 2: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thành phần nhóm I của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023.

- Phụ lục 3: Bảng giải trình kết quả tính toán các chỉ số thành phần nhóm I của Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Y tế; Giám đốc Ban Quản lý các Vườn Quốc gia: Núi Chúa, Phước Bình; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp; Cục Thống kê tỉnh; Giám đốc Công ty Điện lực Ninh Thuận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Vụ Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- VPUB: LD, KTTH;
- Lưu: VT.LXH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền